

Bản án số: 11 /2018/HSST

Ngày 29/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Hải.

Ông Hoàng Văn Hoạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Trâm - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 29/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2018/HSST ngày 17/4/2018, đối với bị cáo:

Nông Đình N - Sinh ngày 01/10/1995, tại Bắc Kạn;

Nơi cư trú: Thôn Q L, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không ; quốc tịch: Việt nam; con ông Nông Đình H và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2010 bị Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Bắc Kạn Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn là 24 tháng; ngày 24/01/2018 bị TAND huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, ngày 17/4/2018 bị TAND huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, hiện nay

đang bị tạm giam trong vụ án khác từ ngày 02/9/2017 tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên – có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

Anh Triệu Phúc Đ – sinh năm 1999;

Trú tại: Tổ T, phường X, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1, Ông Triệu Kim T – Sinh năm 1975;

Trú tại: Tổ T, phường X, thành phố Bắc Kạn. tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

2, Anh Trịnh Văn N – sinh năm 1992;

Trú tại: Thôn I, xã T, huyện Q, thành phố Hải Phòng - Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Đức T – sinh năm 1994;

Trú tại: Thôn G, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 00' ngày 19/5/2018, Nông Đình N và Triệu Phúc Đ rủ nhau cùng đi chơi điện tử tại quán Intenet ZinZin thuộc tổ A, phường P, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Do không có tiền tiêu sài nên Nông Đình N đã nảy sinh ý định lừa hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Hon Da có biển kiểm soát 97B1 - 262.44 của Đ để đem đi cầm cố lấy tiền; N nói dối Đ là cho N mượn xe một lúc để đến nhà Bùi Cao C - SN 1989; trú tại tổ D, phường E, thành phố Bắc Kạn lấy quần áo (vì trước đó N để quần áo ở nhà C), rồi sẽ quay lại để trả xe cho Đ. Do tin tưởng vào lời nói của N nên Đ đưa chìa khoá xe cho N mượn. Sau khi lấy được xe của Đ, N đi xe đến nhà Bùi Cao C để lấy quần áo; sau đó N một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Hon Da có biển kiểm soát 97B1 - 262.44 xuống thành phố T đến phòng trọ của Nguyễn Đức T - SN 1994; trú tại: thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đang thuê trọ học ở khu vực thuộc tổ O, phường M, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; mục đích để nhờ T đưa đi cầm cố chiếc xe, lúc này trong phòng trọ của T có Nguyễn Mạnh C - SN 1987; trú tại

tổ B, phường M, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. T quay sang hỏi C biết chỗ nào cầm cố xe thì giới thiệu cho N. Sau đó đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, C cùng N đem chiếc xe mô tô trên đến hiệu cầm đồ H. A thuộc tổ O, phường M, thành phố Thái Nguyên (do Phạm Văn A - SN 1989; trú tại tổ I, phường M, thành phố Thái Nguyên làm chủ), gặp Trịnh Văn N - SN 1992; trú tại: thôn I, xã T, huyện Q, thành phố Hải Phòng (là người làm thuê cho hiệu cầm đồ H.A) cầm cố lấy số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) và hẹn ba ngày sau sẽ quay lại chuộc xe; sau đó N sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền nói trên. Khi hết thời hạn 03 ngày không thấy N quay lại chuộc xe nên N đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm vật chứng nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả.

Sau khi cho N mượn xe không thấy N đem xe về trả như đã hẹn, anh Triệu Phúc Đ đã gọi điện thoại cho N nhiều lần nhưng không thấy N nghe máy nên Đ đã đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc;

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 05/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bắc Kạn kết luận tổng trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Hon Da có biển kiểm soát 97B1 - 262.44 có giá trị 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*).

Với các hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 10/KSĐT ngày 16/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nông Đình N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 139/BLHS năm 1999.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, nhưng chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Đình N phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 139; điểm p khoản

1, khoản 2 Điều 46; Điều 51/BLHS năm 1999. Đề nghị xử phạt bị cáo Nông Đình N từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Tổng hợp với bản án số 04/HSST ngày 24/01/2018 của TAND huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, bản án số 08/HSST ngày 17/4/2018 của TAND huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. *Về trách nhiệm dân sự*: Đề nghị áp dụng Điều 42/BLHS năm 1999, Điều 584, 585, 586, 589/BLDS 2015 buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 09 triệu đồng. *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Quá trình tranh luận, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và bị cáo nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Ngày 19/5/2017 Nông Đình N đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Triệu Phúc Đ chiếc mô tô nhãn hiệu Hon da Wave, BKS 97B1-262.44 có trị giá 9.000.000^d (*Chín triệu đồng*) rồi đem đi cầm cố tại hiệu cầm đồ H.A ở tổ O, phường M, thành phố Thái Nguyên được 3.500.000^d (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) và đã sử dụng hết số tiền trên.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nông Đình N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tổng hợp các chứng cứ lại, đánh giá diễn biến khách quan của vụ án thấy việc truy tố, xét xử bị cáo Nông Đình N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 139/BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Xét tính chất hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình

trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, (Năm 2010 bị Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Bắc Kạn Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn là 24 tháng; ngày 24/01/2018 bị TAND huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, ngày 17/4/2018 bị TAND huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”); bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; được hưởng tình tiết giảm nhẹ là *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999; bị cáo có ông nội là ông Nông Đình K đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Vì vậy khi lượng hình được xem xét giảm nhẹ hình phạt theo khoản 2 Điều 46/BLHS năm 1999.

[3] *Hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng khi áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền thì không có tính khả thi, vì vậy không áp dụng đối với bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại là anh Triệu Phúc Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Triệu Kim T (bố đẻ của anh Đ, là chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS 97B1-262.44) yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 9.000.000^d (*Chín triệu đồng*), xét thấy yêu cầu của anh Đ và ông T là có cơ sở, vì vậy buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền trên.

[5] *Về vật chứng*: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 đăng ký xe mô tô số 0238B22 của chiếc xe BKS 97B1-262.44, mang tên Hoàng Văn T – sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; 01 giấy bán xe giữa Đình Văn T và Triệu Kim T, cuối tờ giấy đề ngày 07/10/2016 cùng chữ ký của Đình Văn T. Các vật chứng trên đã được chuyển kèm trong hồ sơ vụ án.

[6] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Trong vụ án này có Trịnh Văn N là người đã trực tiếp nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên với số tiền 3.500.000^d

(Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên Trịnh Văn N không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng theo quy định của pháp luật.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập: Các hành vi, quyết định tố tụng và các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1, *Tuyên bố*: Bị cáo Nông Đình N phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 51/ BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nông Đình N 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp với bản án số 04/2018/HSST ngày 24/01/2018 của TAND huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và bản án số 08/2018/HSST ngày 17/4/2018 của TAND huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả ba bản án là 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 02/9/2017.

2, *Về trách nhiệm dân sự*:

- Áp dụng Điều 42/BLHS 1999 và các Điều 584, 586, 589 /BLDS năm 2015.

Buộc bị cáo Nông Đình N phải bồi thường cho anh Triệu Phúc Đ, trú tại: Tổ T C, phường X, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tổng số tiền là 9.000.000^d (*Chín triệu đồng*).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo Điều 357/BLDS về việc tính lãi suất.

3, Về án phí:

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nông Đình N phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 450.000^d (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSND thành phố;
- CQTHAHS Công an TP;
- CQCSĐT Công an TP;
- Chi cục THA thành phố;
- Trại tạm giam CAT T.Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Bị cáo, bị hại, người lq;
- Hồ sơ;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vi Hồng Lễ

